BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
28-07-2026 18:12:14 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 19-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIV
về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

Sau 40 năm đổi mới, 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế không ngừng được nâng cao; trở thành nước có thu nhập trung bình cao; đời sống của Nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, quá trình đổi mới mô hình phát triển đất nước còn chậm; tăng trưởng kinh tế vẫn chủ yếu theo chiều rộng, dựa nhiều vào vốn, tài nguyên và lao động chi phí thấp; năng suất lao động, năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn thấp; năng lực tự chủ chiến lược còn hạn chế; văn hoá chưa thực sự trở thành nguồn lực và động lực nội sinh của phát triển; an sinh xã hội, an ninh con người còn một số mặt chưa vững chắc; hiệu quả quản lý môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý, sử dụng tài nguyên chưa cao; đổi mới quản trị quốc gia chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại, tạo ra nhiều thuận lợi, thời cơ nhưng cũng đan xen nhiều khó khăn, thách thức. Ở trong nước, Đảng đã ban hành nhiều chủ trương, quyết sách, mục tiêu chiến lược, đột phá, nhất là mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số", đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện về mô hình phát triển đất nước trong thời gian tới.

Để hiện thực hoá khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045; xác lập nền tảng cho tầm nhìn 100 năm phát triển tiếp theo của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng (2030 - 2130), Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết về đổi mới mô hình phát triển đất nước với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như sau:

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Đổi mới mô hình phát triển gắn với xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái phát triển là nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa lịch sử để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc

và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, trực tiếp của Đảng, phát huy vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước; khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường vai trò giám sát, phản biện và tạo sự đồng thuận xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Đổi mới mô hình phát triển trước hết là tạo đột phá về thể chế, đổi mới phương thức tổ chức, quản trị và vận hành quốc gia tạo ra năng lực phát triển mới; chuyển đổi sang *mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập*; lấy con người làm chủ thể trung tâm, mục tiêu, động lực và phát triển; nâng cao sức mạnh tổng hợp, tiềm lực quốc gia, chất lượng đời sống và hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu xuyên suốt; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo quốc gia là động lực chính; lấy nâng cao năng suất lao động, hiệu quả huy động, phân bổ nguồn lực quốc gia là những nguyên tắc trung tâm; lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển, bảo đảm phát triển kinh tế nhanh, bền vững, bao trùm; gắn chặt xây dựng với bảo vệ Tổ quốc; kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh đối ngoại trong tất cả các khâu từ hoạch định chiến lược đến quy hoạch và phân bổ nguồn lực; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại đồng hành và thúc đẩy phát triển.

3. Đổi mới mô hình phát triển được vận hành đồng bộ theo cơ chế *"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ"*; dựa trên nền quản trị quốc gia hiện đại và mối quan hệ hài hoà, hiệu quả giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; tổ chức phát triển trong không gian tích hợp, đa tầng, liên thông, tạo liên kết và lan toả. Xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện là then chốt; phát triển văn hoá và con người là nền tảng, là nguồn lực và động lực nội sinh, sức mạnh mềm quốc gia; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

4. Đổi mới mô hình phát triển với tầm nhìn dài hạn và khát vọng phát triển đất nước giàu mạnh, dân chủ, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển. Mô hình phát triển mới khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, truyền thống, bản sắc, niềm tin và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khơi dậy ý chí, sức sáng tạo và khát vọng cống hiến của con người Việt Nam; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển, trong đó, nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, đột phá; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nâng cao năng lực tự chủ chiến lược, sức chống chịu, khả năng thích ứng, tự phục hồi và quản trị rủi ro; không ngừng bồi đắp năng lực quốc gia, bảo đảm đất nước phát triển nhanh, bền vững và trường tồn.

5. Đổi mới mô hình phát triển được thực hiện đồng bộ, toàn diện và phù hợp với từng giai đoạn; bảo đảm gắn kết hữu cơ các trụ cột phát triển thành một thể thống nhất. Lấy đổi mới thể chế và quản trị quốc gia là khâu đột phá; chuyển từ tư duy quản lý, kiểm soát sang kiến tạo, dẫn dắt phát triển; quản trị theo mục tiêu, không gian phát triển, phối hợp liên thông, dựa trên dữ liệu, phản ứng chính sách và đo lường bằng kết quả, tác động phát triển; lấy hiệu quả điều phối, chất lượng phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và năng lực giải quyết vấn đề làm thước đo.

II- MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu đến năm 2030

Hoàn thành các nền tảng cho mô hình phát triển mới trên các lĩnh vực, phù hợp với trình độ phát triển của nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Tạo đột phá về xây dựng, hoàn thiện thể chế và thực hiện quản trị quốc gia hiện đại; về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng chiến lược, hạ tầng năng lực tri thức quốc gia, nguồn nhân lực chất lượng cao và các doanh nghiệp dẫn dắt; thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

2. Mục tiêu đến năm 2035

Hoàn thành cơ bản quá trình chuyển đổi sang *Mô hình phát triển đất nước tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập;* hình thành đồng bộ các mô hình thành phần trên các lĩnh vực, cụ thể:

(1) Mô hình kinh tế hiệu quả cao, sáng tạo, xanh, tự chủ, bao trùm và hội nhập; chuyển mạnh từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, lao động, tài nguyên và gia công sang tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và năng suất lao động cao; nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập. Lực lượng sản xuất mới trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng; hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực phát triển; doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có năng lực làm chủ công nghệ, vị trí quan trọng trong các ngành, chuỗi giá trị và hệ sinh thái phát triển hiện đại. Kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế tuần hoàn, kinh tế cácbon thấp và khai thác hiệu quả các không gian phát triển mới trở thành cấu trúc quan trọng đặc trưng của nền kinh tế.

(2) Mô hình phát triển xã hội hiện đại, toàn diện, bao trùm và bền vững; chuyển từ quản lý xã hội theo phương thức hành chính truyền thống và xử lý hậu quả phát sinh sang kết hợp hài hoà, hiệu quả với quản trị phát triển và kiến tạo xã hội chủ động, dựa trên dữ liệu, dự báo và phòng ngừa từ sớm, từ xa. Xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển; an ninh con người được

bảo đảm toàn diện; hệ thống an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững, vận hành đồng bộ, hiệu quả; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, thích ứng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, già hoá dân số và biến đổi cơ cấu việc làm.

(3) Mô hình phát triển văn hoá, con người toàn diện, hiện đại, sáng tạo, giàu bản sắc và nhân văn; văn hoá là nền tảng tinh thần, nguồn lực và động lực nội sinh, năng lực sáng tạo, sức mạnh mềm cho phát triển nhanh, bền vững. Con người Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, có bản lĩnh văn hoá, năng lực số, năng lực sáng tạo, ý thức thượng tôn pháp luật, kỷ luật và trách nhiệm; có lòng nhân ái, tinh thần dân tộc và khát vọng cống hiến, ý chí tự lực, tự cường; có khả năng thích ứng và hội nhập toàn cầu, năng lực làm chủ khoa học, công nghệ, kiến tạo cuộc sống hạnh phúc và tương lai tốt đẹp. Gìn giữ, phát huy và lan toả mạnh mẽ văn hoá Việt Nam trong đời sống xã hội và trên môi trường số, trở thành lợi thế trong hoạt động kinh tế, xã hội và đối ngoại.

(4) Mô hình phát triển môi trường sinh thái hiện đại, thông minh, bền vững, thích ứng; cải thiện chất lượng môi trường sống, kiểm soát hiệu quả ô nhiễm môi trường; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; kinh tế - xã hội phát triển trong khả năng chịu tải của môi trường; các hệ sinh thái quan trọng được bảo vệ, phục hồi, phát triển; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng chủ động, tăng cường dự báo và cảnh báo sớm, phục hồi nhanh; quản trị tài nguyên, môi trường sinh thái dựa trên nền tảng số, dữ liệu liên thông, giám sát theo thời gian thực.

(5) Mô hình quốc phòng - an ninh toàn dân, toàn diện, tự chủ, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Nâng cao năng lực bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, trên cả không gian truyền thống và các không gian, lĩnh vực mới; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ xã hội chủ nghĩa và môi trường hoà bình, ổn định, an toàn cho phát triển. Nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại; thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân được củng cố vững chắc, hiện đại, liên hoàn từ cơ sở. Nâng cao năng lực tự chủ chiến lược, phòng thủ chủ động và công nghiệp quốc phòng, an ninh tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại có sự tham gia phù hợp của khu vực tư nhân trong nước.

(6) Mô hình đối ngoại và hội nhập quốc tế chủ động, toàn diện, hiệu quả, bản sắc và kiến tạo phát triển; chủ động mở rộng không gian phát triển, thu hút nguồn lực, tri thức, công nghệ tiên tiến, nâng cao vị thế, uy tín, sức mạnh tổng hợp và sức mạnh mềm quốc gia. Tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu và có vai trò tích cực hơn trong định hình các chuẩn mực, cơ chế, khuôn khổ hợp tác quốc tế mới.

(7) Mô hình quản trị quốc gia dân chủ, hiện đại, thông minh, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được hoàn thiện đồng bộ, hệ thống chính trị tinh gọn, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Quản trị quốc gia chuyển từ quản lý hành chính, nặng về tiền kiểm và kiểm soát sang quản trị phát triển dựa trên pháp quyền, dữ liệu, phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình, kỷ luật thực thi và kiểm soát quyền lực; nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, điều phối phát triển, quản trị rủi ro, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và giải phóng hiệu quả các nguồn lực xã hội.

3. Mục tiêu đến năm 2045

Hoàn thành chuyển đổi sang mô hình phát triển đất nước tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững, hội nhập và các mô hình thành phần trên các lĩnh vực được vận hành đồng bộ, hài hoà, hiệu quả. Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội; kinh tế phát triển chủ yếu dựa trên tri thức, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tự chủ chiến lược và hội nhập sâu rộng; làm chủ các công nghệ chiến lược quan trọng; xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển; văn hoá và con người trở thành sức mạnh nội sinh, sức mạnh mềm và nền tảng phát triển quốc gia; môi trường sinh thái bền vững; quốc phòng, an ninh hiện đại, tự cường; đối ngoại, hội nhập quốc tế chủ động, hiệu quả, nâng cao vị thế, uy tín quốc gia, đóng góp tích cực vào hoà bình, phát triển bền vững, văn minh chung của nhân loại.

4. Định hướng tầm nhìn đến năm 2130

Việt Nam trở thành quốc gia xã hội chủ nghĩa phát triển trình độ cao, văn minh, hiện đại, bản sắc, có năng lực sáng tạo và sức sống trường tồn; nền kinh tế xanh, sáng tạo, trung tâm sản xuất thông minh hàng đầu của châu Á; có vị thế quan trọng trong trật tự toàn cầu về tri thức, công nghệ, kinh tế, quốc phòng, an ninh; xã hội văn minh, thịnh vượng, công bằng, bao trùm, hạnh phúc; văn hoá giàu bản sắc, con người phát triển toàn diện; đủ năng lực thích ứng với thay đổi của thời đại và có đóng góp xứng đáng cho nhân loại.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thể chế, quản trị quốc gia và hoàn thiện hệ thống chính trị

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; lấy năng lực lãnh đạo hoạch định chiến lược, kiến tạo thể chế, tổ chức thực thi và tự chỉnh đốn, tự đổi mới làm trọng tâm; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tổ chức và cán bộ là yếu tố cốt lõi của quản trị quốc gia. Đổi mới toàn diện công

tác cán bộ, coi đánh giá cán bộ là khâu đột phá và lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; có cơ chế liên thông trong tuyển dụng, thu hút, sử dụng chuyên gia, nhân lực chất lượng cao giữa khu vực công và khu vực tư.

- Đổi mới căn bản công tác xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Đảng, bảo đảm thống nhất từ chủ trương đến hành động, từ mục tiêu đến kết quả. Xác định rõ nhiệm vụ, lộ trình, nguồn lực, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm. Đổi mới cơ chế quản trị theo mục tiêu, kết quả đầu ra và tác động phát triển; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu, trì trệ và né tránh trách nhiệm.

- Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; chuyển từ quản lý hành chính theo ngành, lĩnh vực sang kết hợp hài hoà, hiệu quả với quản trị phát triển theo hệ sinh thái; từ kiểm soát sang kiến tạo phát triển. Đổi mới mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội theo hướng Nhà nước điều tiết, dẫn dắt, định hướng, tạo lập thị trường mới, lĩnh vực mới, hình thành các năng lực chiến lược quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, năng lượng mới và các lĩnh vực cạnh tranh chiến lược; thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực; xã hội tham gia, giám sát, phản biện, tạo đồng thuận và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Nhà nước tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn và quản lý kết quả đầu ra; xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, "đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam", tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "2 con số".

- Xây dựng pháp luật rõ ràng, khả thi, minh bạch, đồng bộ, thống nhất, ổn định, dễ thực hiện, linh hoạt và thích ứng nhanh với yêu cầu phát triển mới, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước; chấm dứt tư duy "không quản được thì cấm"; chuyển mạnh từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm thông minh", quản lý theo kết quả, hiệu quả đầu ra; bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản và quyền tự do kinh doanh. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, phấn đấu thuộc nhóm dẫn đầu ASEAN và tiệm cận chuẩn mực về môi trường kinh doanh và đổi mới sáng tạo của các nền kinh tế phát triển.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thử nghiệm có kiểm soát trong các lĩnh vực; thúc đẩy các ngành, địa phương ban hành các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát phù hợp; bảo đảm nhất quán trong nhận thức và thực thi cơ chế chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý cho các địa phương đủ năng lực; cho phép thí điểm có kiểm soát các mô hình kinh doanh mới, cơ chế quản trị mới và chính sách đặc thù, vượt trội; hoàn thiện khung pháp lý về trí tuệ nhân tạo và công nghệ số; bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền con người trong môi trường số.

- Xây dựng Chính phủ số, dữ liệu dùng chung và nền tảng số theo dõi thực hiện nghị quyết, chiến lược, quy hoạch, đầu tư công và các chỉ tiêu phát triển; tập trung kiểm tra kết quả, tác động và trách nhiệm người đứng đầu; bảo đảm mọi nhiệm vụ đều rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ nguồn lực, rõ thời gian và rõ sản phẩm đầu ra. Xây dựng khung chỉ số quản trị quốc gia theo thông lệ quốc tế.

- Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc mỗi việc chỉ giao một cơ quan đầu mối chủ trì; hoàn thiện và vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; xây dựng cấp cơ sở đủ năng lực, thẩm quyền và nguồn lực; phát huy vai trò tập hợp, vận động, giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân. Triển khai thí điểm, tổng kết, nhân rộng mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa tại một số địa phương.

2. Về kinh tế

- Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nguồn nhân lực chất lượng cao; hiện đại hoá các động lực tăng trưởng truyền thống; phát triển mạnh các động lực tăng trưởng mới từ công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ giá trị cao, nông nghiệp thông minh, kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, các mô hình kinh tế mới và các ngành giá trị gia tăng cao.

- Tổ chức lại không gian phát triển quốc gia theo hướng đa tầng, đa cực, liên kết đồng bộ đất liền - vùng biển - vùng trời - lòng đất - không gian số và các không gian phát triển mới; chuyển từ phát triển theo địa giới hành chính sang phát triển theo chức năng, tiềm năng, lợi thế, điều kiện tài nguyên - môi trường và liên kết vùng, liên kết ngành; gắn với bảo đảm tự chủ chiến lược quốc gia, nâng cao khả năng chống chịu của các vùng, các cực tăng trưởng, các trung tâm kinh tế và chuỗi cung ứng trọng yếu.

- Xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển và có năng lực cạnh tranh hàng đầu khu vực trong các ngành công nghiệp biển. Đưa biển trở thành không gian phát triển chiến lược, động lực tăng trưởng dài hạn; xây dựng và triển khai chiến lược lấy không gian biển, hành lang kinh tế hướng biển và đại dương làm trục phát triển chủ đạo, lan toả tới trung du, miền núi và biên giới. Phát triển công nghiệp hàng hải hiện đại, xanh, số, tự chủ và lưỡng dụng.

- Phát triển kinh tế không gian tầm thấp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, có năng lực cạnh tranh cao. Khai thác, sử dụng hiệu quả không gian vũ trụ; hình thành hệ sinh thái kinh tế vũ trụ; làm chủ hạ tầng kỹ thuật cốt yếu, công nghệ vệ tinh và dữ liệu không gian. Phát triển mạnh không gian ngầm tại các đô thị lớn, cực tăng trưởng, trung tâm tài chính, thương mại, logistics và các đầu mối giao thông công cộng.

- Phát triển các thị trường nhân tố sản xuất, nhất là vốn, đất đai, khoa học, công nghệ, dữ liệu và lao động chất lượng cao theo hướng đồng bộ, hiện đại, minh bạch, liên thông; xoá bỏ rào cản chia cắt thị trường; xác lập đầy đủ quyền tài sản đối với kết quả nghiên cứu, thúc đẩy luân chuyển, giao dịch và thương mại hoá công nghệ, tri thức, tài sản trí tuệ; hình thành và phát triển thị trường giao dịch hàng hoá phái sinh. Cải cách sâu rộng hệ thống tài chính; nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia và nâng hạng thị trường chứng khoán; mở rộng và đa dạng hoá các kênh vốn dài hạn cho hạ tầng và các công trình, dự án trọng điểm, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, nhà ở chính sách và doanh nghiệp công nghệ; phát triển tài chính xanh, tài chính khí hậu, bảo hiểm nông nghiệp; phát triển trung tâm tài chính quốc tế với cơ chế đặc thù, vượt trội, làm đầu mối huy động, phân bổ và dẫn dắt nguồn lực, thử nghiệm thể chế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kết nối tài chính toàn cầu.

- Đổi mới căn bản cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực quốc gia; chuyển từ tư duy phân bổ sang kiến tạo, phát huy hiệu quả nguồn lực; lấy hiệu quả và tác động phát triển làm thước đo; bảo đảm nguyên tắc hạch toán kinh tế tổng thể trong phân bổ, quản lý và sử dụng mọi nguồn lực xã hội; thực hiện phân bổ theo ưu tiên chiến lược, lĩnh vực có năng suất, giá trị gia tăng và sức lan toả; lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư xã hội; khơi thông, chuyển hoá các nguồn lực tồn đọng thành động lực phát triển. Đổi mới quan hệ phân phối theo hướng hiệu quả, công bằng, bao trùm.

- Phát triển nhanh lực lượng sản xuất mới, hiện đại; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và động lực chủ yếu của tăng trưởng. Dữ liệu là tư liệu sản xuất mới và tài nguyên chiến lược; công khai, minh bạch, có kiểm soát dữ liệu khu vực công; xây dựng cơ chế để

quyền sở hữu trí tuệ trở thành căn cứ góp vốn, bảo lãnh tín dụng và khai thác thương mại. Phát triển trí tuệ nhân tạo thành hạ tầng trí tuệ và lực lượng sản xuất chất lượng cao; triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia; ưu tiên phát triển hạ tầng tính toán quốc gia, mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và các nền tảng dùng chung, nền tảng công dân số.

- Xây dựng và triển khai chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá thế hệ mới; chú trọng xây dựng năng lực công nghệ; ưu tiên phát triển một số ngành mũi nhọn như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, vật liệu mới, lượng tử, công nghệ sinh học, công nghiệp chế biến - chế tạo tiên tiến, công nghiệp xanh và công nghiệp năng lượng; phát triển công nghiệp vật liệu trở thành ngành công nghiệp cốt lõi, nền tảng; chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với tăng tỉ lệ nội địa hoá. Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn, giá trị gia tăng cao và phát thải thấp theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn văn minh, nông dân chuyên nghiệp. Phát triển khu vực dịch vụ hiện đại, chất lượng cao, ưu tiên phát triển dịch vụ có giá trị gia tăng cao, gắn với nâng cấp công nghiệp, nông nghiệp và đô thị; đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ tại chỗ; đầu tư, phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; hình thành các trung tâm dịch vụ có sức cạnh tranh tầm khu vực và quốc tế; phát triển kinh tế sức khoẻ trở thành ngành kinh tế quan trọng, có giá trị gia tăng cao.

- Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp theo các tầng liên kết, bổ trợ lẫn nhau với các chính sách hỗ trợ riêng biệt, có trọng tâm và mục tiêu cụ thể. Tập trung phát triển lực lượng doanh nghiệp dẫn dắt, doanh nghiệp đầu chuỗi và hệ sinh thái công nghiệp có năng lực cạnh tranh cao gắn với nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả của lực lượng doanh nghiệp Việt Nam; tăng cường cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước; có cơ chế đột phá thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hợp tác xã, viện nghiên cứu, trường đại học và các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn, định hướng chiến lược và dẫn dắt nền kinh tế; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất; củng cố, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác; phát triển kinh tế hộ gia đình thành lực lượng sản xuất, kinh doanh năng động, bền vững; thu hút có chọn lọc đầu tư nước ngoài, gắn với chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, tạo sự liên kết, lan toả với khu vực kinh tế trong nước.

- Phát triển hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, thông minh, xanh, kết nối đa tầng, đa phương thức; ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông tốc độ cao, cảng biển, cảng hàng không, năng lượng, đô thị thông minh, không gian ngầm, không gian biển, hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu, hạ tầng cho miền núi và vùng đặc biệt khó khăn; tích hợp hạ tầng vật lý với hạ tầng số trong giao thông,

năng lượng, công nghiệp, logistics, nông nghiệp, giáo dục, y tế và dịch vụ công. Xây dựng hạ tầng số, dữ liệu, năng lực tính toán và trí tuệ nhân tạo thành hạ tầng chiến lược của quốc gia; phát huy vai trò của Trung tâm dữ liệu quốc gia; phát triển các trung tâm dữ liệu quy mô lớn, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, nền tảng số dùng chung, dữ liệu mở quốc gia và các trung tâm xuất sắc về trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, điện toán lượng tử. Phát triển hệ thống logistics hiện đại, đa phương thức, kết nối hiệu quả cảng biển, cửa khẩu, sân bay, đường sắt, đường cao tốc, khu công nghiệp và các hành lang kinh tế.

- Tái cấu trúc hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, Nhà nước kiến tạo phát triển, định hướng và chia sẻ rủi ro. Phát triển cơ chế vốn mồi của Nhà nước, đồng đầu tư công - tư, đặt hàng chiến lược và Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia; hình thành doanh nghiệp dân tộc dẫn dắt trong các lĩnh vực công nghệ, công nghiệp nền tảng và thị trường chiến lược. Đầu tư dài hạn cho nghiên cứu cơ bản, phòng thí nghiệm trọng điểm; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, sở hữu trí tuệ, công nghệ lõi; hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Đổi mới mạnh mẽ liên kết nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hoá kết quả nghiên cứu; lấy nhu cầu phát triển và doanh nghiệp làm trung tâm; trao quyền tự chủ cho tổ chức nghiên cứu, bảo đảm lợi ích chính đáng của nhà khoa học; phát triển đồng bộ các nền tảng thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và tài chính, đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh, hình thành sản phẩm thương mại, doanh nghiệp và ngành kinh tế mới. Thể chế hoá đồng bộ cơ chế liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu, trường đại học.

- Đẩy mạnh đô thị hoá, phát triển đô thị thành động lực tăng trưởng quan trọng; hình thành các cực tăng trưởng, trung tâm đổi mới sáng tạo, đô thị xanh, thông minh có năng lực cạnh tranh quốc tế; tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành hiệu quả; tái cấu trúc không gian phát triển gắn với hình thành các hành lang kinh tế, trung tâm tài chính, trung tâm logistics.

3. Về xã hội

- Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển, có khả năng thích ứng và phục hồi trước các biến động. Triển khai các phương thức quản trị phát triển xã hội hiện đại, chủ động, dựa trên nền tảng dữ liệu, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng nền an ninh con người chủ động, toàn diện, bao trùm, hiện đại và bền vững; hình thành hệ thống phát hiện, cảnh báo và xử lý sớm các nguy cơ mất ổn định, mất an toàn xã hội; phát triển các thiết chế hoà giải, đối thoại và trợ giúp pháp lý ở cơ sở. Xây

dựng và triển khai các tiêu chí đánh giá toàn diện về xã hội, các bộ chỉ số về hạnh phúc xã hội, chất lượng sống, niềm tin xã hội, bảo đảm an ninh con người.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội hiện đại, đa tầng, bền vững, bao trùm, linh hoạt và thích ứng cao; coi đầu tư cho an sinh là đầu tư cho phát triển; bảo vệ tốt hơn các nhóm yếu thế; xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, bản đồ số về an sinh xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và phát triển hệ thống an sinh phù hợp với lao động phi chính thức, lao động nền tảng và thích ứng với già hoá dân số. Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, thành thị và nông thôn, miền núi và miền xuôi; quan tâm phát triển vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế.

- Chuyển dịch hệ thống y tế từ mô hình chữa bệnh sang phòng bệnh và chăm sóc sức khoẻ toàn diện, bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ; thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân và từng bước miễn viện phí theo lộ trình; bảo đảm tự chủ về vắcxin, thuốc và nguồn cung thiết bị y tế cho phòng, chống dịch, bệnh và khám, chữa bệnh.

- Đổi mới quản trị phát triển nguồn nhân lực và hiện đại hoá thị trường lao động. Xây dựng hệ thống dự báo, quy hoạch và quản trị phát triển nguồn nhân lực thống nhất từ Trung ương đến địa phương, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, quy hoạch phát triển vùng, địa phương. Hiện đại hoá thị trường lao động trên nền tảng dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động, việc làm, kỹ năng nghề, kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu; chuyển đổi số toàn diện và phát triển hệ thống dịch vụ việc làm công trở thành trung tâm điều phối phát triển thị trường lao động; khuyến khích phát triển dịch vụ việc làm ngoài công lập, cơ chế hợp tác công tư trong cung cấp dịch vụ việc làm; bảo đảm cơ hội tiếp cận việc làm bền vững, công bằng, không để ai bị bỏ lại phía sau.

4. Về văn hoá, con người

- Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; triển khai đồng bộ các hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người và chuẩn mực xã hội Việt Nam từ Trung ương đến cơ sở; gắn xây dựng, hoàn thiện thể chế văn hoá với thực hành và lan toả, thấm sâu các hệ giá trị trong đời sống xã hội; đưa văn hoá thượng tôn pháp luật và kỷ cương xã hội trở thành giá trị cốt lõi. Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển; phát triển mạnh công nghiệp văn hoá và kinh tế sáng tạo; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các nghệ nhân xuất sắc; đẩy mạnh xuất khẩu văn hoá; tài sản hoá các giá trị văn hoá và xây dựng thị trường tài sản trí tuệ văn hoá; xây dựng văn hoá số, bảo vệ chủ quyền văn hoá số quốc gia.

- Xây dựng nền giáo dục mở, liên thông, công bằng và thích ứng, lấy người học làm trung tâm. Đổi mới giáo dục và đào tạo theo hướng thực học, thực nghiệp, phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng số, tinh thần khởi nghiệp, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Phát triển giáo dục đại học trở thành hạt nhân của năng lực tri thức quốc gia; phát triển đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế và các trung tâm xuất sắc về khoa học, công nghệ. Đổi mới toàn diện giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu của doanh nghiệp; mở rộng mô hình đào tạo kép, đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo lại và đào tạo nâng cao kỹ năng; thúc đẩy mô hình đào tạo nghề sau trung học; xây dựng hệ sinh thái phát triển kỹ năng nghề, khung kỹ năng nghề quốc gia. Hình thành hệ thống dự báo kỹ năng, đào tạo lại, chuyển đổi nghề và bảo vệ người lao động trong quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, tư duy khoa học, kỹ năng số, khả năng tự học, khả năng thích ứng. Xây dựng xã hội học tập và cơ chế học tập suốt đời; đẩy mạnh bình dân học vụ số và tri thức hoá nông dân.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng phát triển kỹ năng số, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo và khả năng học tập suốt đời. Xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, cạnh tranh so với các nước, nhất là trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, lượng tử, khoa học dữ liệu và công nghệ chiến lược, công nghệ mới; thu hút trí thức, chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài và nhân tài quốc tế.

- Chuyển căn bản tư duy từ quản lý quy mô, cơ cấu dân số sang phát triển vốn dân số quốc gia, coi dân số là nguồn lực chiến lược của tăng trưởng dài hạn; nâng cao chất lượng dân số, gắn chính sách dân số với phát triển nguồn nhân lực, an sinh xã hội và thị trường lao động. Chủ động xây dựng chiến lược và chính sách dân số thích ứng với già hoá dân số; chuyển từ tư duy ứng phó sang khai thác cơ hội phát triển từ chuyển đổi dân số; phát triển mạnh "kinh tế bạc" và hệ sinh thái, sản phẩm, dịch vụ cho người cao tuổi.

5. Về môi trường sinh thái

- Coi quản trị tài nguyên, môi trường là trụ cột của phát triển bền vững gắn với bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng chống chịu của nền kinh tế. Xây dựng văn hoá sinh thái, thúc đẩy lối sống xanh, hài hoà với thiên nhiên. Hoàn thiện thể chế bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng kiến tạo, dẫn dắt chuyển đổi xanh, phát triển trong giới hạn sinh thái và khả năng chịu tải của môi trường; sử dụng hiệu quả các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường. Thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 theo lộ trình

phù hợp; thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế cácbon thấp, chuyển đổi xanh trong các ngành, lĩnh vực và có cơ chế hỗ trợ vùng sản xuất.

- Phát triển và vận hành đầy đủ thị trường tín chỉ cácbon; áp dụng định giá tín chỉ cácbon, cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, mua sắm công xanh; mở rộng tín dụng xanh, trái phiếu xanh, phát triển thị trường vốn xanh; hoàn thiện hệ thống thuế, phí môi trường, thuế cácbon theo thông lệ quốc tế; phân cấp mạnh cho các đô thị lớn thu phí môi trường, phát hành trái phiếu xanh và tổ chức vùng phát thải thấp.

- Xây dựng nền tảng quản trị tài nguyên và môi trường hiện đại, dựa trên dữ liệu gắn với cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng; tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phục hồi môi trường và các hệ sinh thái; xây dựng các hành lang sinh thái và mạng lưới bảo vệ đa dạng sinh học; từng bước hạch toán vốn tự nhiên trong hệ thống thống kê quốc gia; mở rộng quan trắc tự động và giám sát thời gian thực; tích hợp yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, phân bổ ngân sách và quyết định đầu tư.

- Chủ động phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm; giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường, cải thiện môi trường sống của người dân. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai; ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển các đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu. Đổi mới công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng chuyển mạnh từ ứng phó bị động sang quản trị rủi ro chủ động; từ xử lý hậu quả sang phòng ngừa từ sớm, từ xa; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Phát triển công nghiệp môi trường thành ngành kinh tế chiến lược; hình thành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ xanh và công nghệ khí hậu; khuyến khích phát triển khu công nghiệp sinh thái và hệ thống tái chế có truy xuất nguồn gốc; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với nước biển dâng, suy thoái đất, suy giảm đa dạng sinh học và ô nhiễm môi trường.

6. Về quốc phòng, an ninh

- Hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật về quốc phòng, an ninh phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình phát triển đất nước, thích ứng với các hình thái chiến tranh mới và các không gian chiến lược mới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân liên hoàn; gắn thế trận quốc phòng số, thế trận an ninh số với thế trận lòng dân vững chắc. Xây dựng Quân đội nhân dân

và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; tăng cường đầu tư, ưu tiên hiện đại hoá các lực lượng tác chiến trên biển, trên không, không gian mạng, tác chiến điện tử, lực lượng không người lái, rôbốt, lực lượng nghiệp vụ chuyên biệt trong các lĩnh vực an ninh, tình báo, khoa học, công nghệ và kỹ thuật chuyên ngành.

- Đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh chủ động, tự lực, tự cường, tự chủ chiến lược, lưỡng dụng, hiện đại với sự tham gia phù hợp của khu vực tư nhân trong nước. Ưu tiên phát triển lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, vật liệu mới, vệ tinh, phương tiện không người lái, rôbốt, an ninh mạng, công nghệ lượng tử và tác chiến điện tử; từng bước làm chủ thiết kế, chế tạo vũ khí công nghệ cao. Hình thành và phát triển đồng bộ các khu kinh tế - quốc phòng, khu, cụm công nghiệp lưỡng dụng, tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia và trung tâm đổi mới sáng tạo quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng doanh nghiệp quốc phòng, an ninh có năng lực làm chủ công nghệ chiến lược, dẫn dắt các lĩnh vực mũi nhọn; phát triển các hạ tầng lưỡng dụng tích hợp quốc phòng - an ninh - dân sự. Có cơ chế đặt hàng, thử nghiệm, thương mại hoá và xuất khẩu có kiểm soát sản phẩm lưỡng dụng; thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Bảo đảm tự chủ chiến lược về công nghệ và dữ liệu; xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc phòng và hệ thống chỉ huy, điều hành số liên thông; hình thành cơ chế dự báo chiến lược, điều phối liên ngành về bảo đảm an ninh và bản đồ rủi ro an ninh quốc gia.

- Phát triển toàn diện năng lực bảo đảm an ninh quốc gia. Xây dựng và triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược an ninh quốc gia; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, an ninh công nghệ, an ninh tài chính và an ninh các không gian, lĩnh vực mới (không gian vũ trụ, tầm thấp, ngầm, biển và đại dương...); có kịch bản, phương án chủ động ứng phó với các hình thái xâm phạm an ninh mới, các tình huống khủng hoảng; kịch bản khung đối với an ninh phi truyền thống.

- Xây dựng thế trận an ninh đồng bộ, liên hoàn, đa tầng trên các không gian, lĩnh vực; chủ động phát hiện, ứng phó hiệu quả và đẩy lùi mọi thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Thiết lập cơ chế kiểm tra định kỳ sức chống chịu quốc gia; cơ chế đánh giá rủi ro an ninh đối với các chiến lược, dự án lớn, nền tảng số lớn, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nhạy cảm và công nghệ mới có tác động sâu rộng; xây dựng hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm rủi ro

chuỗi cung ứng và công nghệ. Xây dựng và hoàn thiện khung chiến lược quốc gia về an ninh con người; tăng cường bảo vệ người dân trước thách thức an ninh phi truyền thống và trên không gian mạng. Tập trung đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển.

7. Về đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Xây dựng nền đối ngoại, ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp; kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, đa phương hoá, đa dạng hoá; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế; phát huy sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân; làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược và đối tác quan trọng; có giải pháp gắn kết lợi ích đan xen chiến lược với các nước lớn; kiên trì giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.

- Lấy ngoại giao kinh tế làm trọng tâm; triển khai đồng bộ, hiệu quả ngoại giao về công nghệ, số, văn hoá, môi trường và khí hậu...; phát huy vai trò ngoại giao nguyên thủ trong củng cố lòng tin chính trị; gắn hoạt động đối ngoại cấp cao với thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ; phát huy vai trò của hệ thống cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài trong thúc đẩy hợp tác phát triển khoa học, công nghệ và thu hút nhân tài.

- Nâng tầm đối ngoại đa phương; phát huy vai trò nòng cốt trong các cơ chế khu vực và toàn cầu; tham gia định hình chuẩn mực quốc tế mới về kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, tài chính xanh, an ninh mạng và chuỗi cung ứng; đẩy mạnh đối ngoại quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa bằng biện pháp hoà bình.

- Nâng cao năng lực đối ngoại và hội nhập quốc tế của chính quyền địa phương, doanh nghiệp. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong đối ngoại Nhân dân, ngoại giao tri thức, công nghệ và số.

- Đa dạng hoá đối tác, thị trường, chuỗi cung ứng và hệ sinh thái công nghệ; chủ động quản trị rủi ro phụ thuộc chiến lược; áp dụng cơ chế đặc thù thu hút các tập đoàn đa quốc gia, tổ chức nghiên cứu và nhân tài quốc tế tham gia các chương trình khoa học, công nghệ tại Việt Nam; phát huy mạnh mẽ nguồn lực và vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với các chỉ tiêu, danh mục nhiệm vụ, giải pháp, đề án cụ thể; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về đổi mới mô hình phát triển đất nước.

2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết và triển khai nghiêm túc đến chi bộ.

3. Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ, các đảng uỷ bộ, ngành Trung ương chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, thống nhất, tạo cơ sở pháp lý cho công tác triển khai Nghị quyết và giám sát việc thực hiện trong phạm vi cả nước.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương hướng dẫn, quán triệt và thường xuyên tuyên truyền về việc triển khai, kết quả thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết.

5. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, đẩy mạnh vận động các tầng lớp nhân dân tích cực chấp hành và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết và chính sách, pháp luật về đổi mới mô hình phát triển đất nước.

6. Ban Chính sách, chiến lược Trung ương phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ



Tô Lâm

Nơi nhận:
- Các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.